



**CÔNG TY CỔ PHẦN
CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG**

Số:NQ/ĐHCĐ-AVICON

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 28 tháng 06 năm 2019

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp Đại hội đồng cổ đông năm 2019

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH HÀNG KHÔNG

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Công trình Hàng không;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Công trình Hàng không ngày 28 tháng 06 năm 2019.

QUYẾT NGHỊ

1. Về BCTC đã kiểm toán và kết quả SXKD năm 2018

- Thông qua báo cáo tài chính riêng Công ty CP Công trình Hàng không (Công ty Mẹ); Báo cáo tài chính Công ty TNHH MTV xây lắp kinh doanh điện; Báo cáo tài chính hợp nhất và kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

*Kết quả SXKD hợp nhất

Đơn vị tính: 1000 Đồng

| TT | Các chỉ tiêu chính | Kế hoạch 2018 | KQ thực hiện 2018 | So sánh TH/KH (%) |
|----|---------------------------------|---------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 26.527.686 | 26.527.686 | 100% |
| 2 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 79.034.458 | 84.735.551 | 107,2% |
| 3 | Tổng chi phí | 76.430.988 | 81.986.154 | 107,3% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 2.603.470 | 2.749.396 | 105,6% |
| 5 | Thuế TNDN | 507.612 | 551.823 | 118,7% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 2.095.859 | 2.197.572 | 104,9% |
| 7 | Tỉ suất LNST/ Vốn điều lệ (%) | 7,90% | 8,28% | |

* Kết quả SXKD Công ty Mẹ

Đơn vị tính: 1000 Đồng

| TT | Các chỉ tiêu chính | Kế hoạch 2018 | KQ thực hiện 2018 | So sánh TH/KH (%) |
|----|---------------------------------|---------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 26.527.686 | 26.527.686 | 100% |
| 2 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 29.789.648 | 29.193.416 | 98% |
| 3 | Tổng chi phí | 27.323.928 | 26.649.677 | 97,5% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 2.465.720 | 2.543.739 | 103,2% |
| 5 | Thuế TNDN | 480.062 | 499.382 | 104% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 1.985.659 | 2.044.357 | 103% |
| 7 | Tỉ suất LNST/ Vốn điều lệ (%) | 7,49% | 7,71% | |

* Kết quả SXKD Công ty TNHH MTV xây lắp kinh doanh điện

Đơn vị tính: 1000 Đồng

| TT | Các chỉ tiêu chính | Kế hoạch 2018 | KQ thực hiện 2018 | So sánh TH/KH (%) |
|----|---------------------------------|---------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Vốn điều lệ | 2.000.000 | 2.000.000 | 100% |
| 2 | Tổng doanh thu và thu nhập khác | 52.875.900 | 59.259.298 | 112% |
| 3 | Tổng chi phí | 52.738.150 | 58.997.092 | 112% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | 137.750 | 262.206 | 190% |
| 5 | Thuế TNDN | 27.550 | 52.441 | 190% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 110.200 | 209.765 | 190% |
| 7 | Tỉ suất LNST/ Vốn điều lệ (%) | 5,51% | 10,49% | |

2. Phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018

- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2018 như sau:

Đơn vị tính: 1000 Đồng

| STT | Nội dung | Giá trị |
|-----|--|-----------|
| 1 | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018 | 2.197.572 |
| 2 | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm 2017 | 5.209.988 |
| 3 | Tổng LNST được phân phối | 7.407.560 |
| 4 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 công ty Mẹ | 102.218 |
| 5 | Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty Mẹ năm 2018 | 126.456 |
| 6 | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018 công ty Con | 62.929 |
| 7 | Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty Con năm 2018 | 4.543 |
| 8 | Lợi nhuận còn lại | 7.111.414 |

- Giao Hội đồng quản trị Công ty quyết định mức thưởng đối với các chức danh Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban quản lý điều hành Công ty.

- Phân lợi nhuận còn lại (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và quỹ thưởng Ban QLĐH) không chia cổ tức mà chuyển vào lợi nhuận chưa phân phối năm sau.

- Giao Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai thực hiện theo đúng quy định.

3. Mức thù lao HĐQT và BKS năm 2019

- Thông qua mức chi trả thù lao thành viên HĐQT, BKS năm 2019 như sau:

| | |
|-------------------------|----------------------------|
| + Chủ tịch HĐQT | 7.000.000 đồng/tháng |
| + Thành viên HĐQT: | 5.000.000 đồng/người/tháng |
| + Trưởng ban kiểm soát: | 4.000.000 đồng/tháng |
| + Kiểm soát viên: | 3.000.000 đồng/người/tháng |

- Giao Hội đồng quản trị Công ty chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai thực hiện chi trả thù lao HĐQT và BKS năm 2019 theo từng quý, đảm bảo đúng quy định.

4. Kế hoạch SXKD năm 2019

- Thông qua số liệu kế hoạch SXKD hợp nhất của Công ty năm 2019 với các chỉ tiêu chính sau:

Đơn vị tính: 1000 Đồng

| STT | Các chỉ tiêu cơ bản | Thực hiện năm 2018 | Kế hoạch năm 2019 | | | |
|-----|-----------------------------------|--------------------|-------------------|----------------|----------------------------------|----------------|
| | | | Kế hoạch hợp nhất | Công ty AVICON | Công ty TNHH MTV xây lắp KD điện | So với TH 2018 |
| 1 | Vốn chủ sở hữu: | 36.501.416 | 36.956.198 | 36.791.866 | 2.164.332 | 101,2% |
| 2 | Doanh thu bán hàng và cung cấp DV | 84.735.551 | 66.308.835 | 9.805.174 | 60.417.000 | 78,3% |
| 3 | Tổng chi phí: | 81.986.154 | 65.366.480 | 9.013.977 | 60.123.550 | 79,7% |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế: | 2.749.396 | 942.355 | 791.197 | 293.450 | 34,3% |
| 5 | Thuế TNDN: | 551.823 | 188.471 | 129.781 | 58.690 | 34,2% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế: | 2.197.572 | 753.884 | 661.416 | 234.760 | 34,3% |
| 7 | Tỷ suất LNST / vốn đầu tư CSH: | 8,28% | 2,84% | 2,49% | 11,74% | 34,3% |
| 8 | Quỹ dự trữ bổ sung vốn ĐL: | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 9 | Quỹ phúc lợi, khen thưởng: | 165.147 | 103.499 | 33.071 | 70.428 | 62,7% |
| 10 | Quỹ thưởng ban QLĐH: | 130.999 | 31.417 | 31.417 | 0 | 30% |
| 11 | Bù lỗ năm trước: | 0 | 0 | 0 | 0 | |
| 12 | Lợi nhuận còn lại chưa phân phối: | 1.901.426 | 618.968 | 596.928 | 164.332 | 40% |
| 13 | Tổng quỹ lương (LĐQL): | 4.010.904 | 4.328.381 | 1.860.991 | 2.467.390 | 107,9% |
| 14 | Tổng vốn đầu tư: | 2.151.900 | 5.196.602 | 5.196.602 | 0 | 241,5% |
| 15 | Số lao động bình quân (người): | 61 | 55 | 22 | 33 | 90,2% |

- Giao HĐQT phê duyệt kế hoạch chi tiết cho Công ty mẹ và Công ty con đồng thời chỉ đạo triển khai các biện pháp thực hiện mục tiêu, định hướng kế hoạch 2019

đã được ĐHCĐ thông qua, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn vốn và tuân thủ các quy định hiện hành.

5. Báo cáo của Hội đồng quản trị

- Thông qua báo cáo hoạt động, kết quả hoạt động năm 2018 và mục tiêu định hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của HĐQT.

- Thông qua báo cáo và kiến nghị của HĐQT về công tác thu hồi công nợ trong, ngoài công ty. Giao Giám đốc, các cơ quan tiếp tục thực hiện công tác thu hồi công nợ trong, ngoài Công ty và thực hiện các biện pháp cần thiết liên quan đến việc thu hồi công nợ theo đúng các quy định hiện hành của Pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết HĐQT và các quy định của Công ty.

6. Báo cáo của Ban kiểm soát.

- Thông qua báo cáo hoạt động, kết quả hoạt động và công tác thẩm định BCTC năm 2018 đã kiểm toán của BKS.

- Giao HĐQT và Tổng Giám đốc xem xét, tiếp thu các kiến nghị của BKS đã nêu trong báo cáo để hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý điều hành Công ty trong năm 2019 và những năm tiếp theo.

7. Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019

- Thông qua việc lựa chọn Hãng kiểm toán AASC là đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính (BCTC riêng của Công ty mẹ, Công ty con và báo cáo hợp nhất) năm 2019

- Giao HĐQT phê duyệt cụ thể về giá trị, thời gian thực hiện và chỉ đạo Tổng giám đốc triển khai các thủ tục liên quan đến công tác kiểm toán BCTC năm 2019 đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Giao Ban Kiểm soát, Giám đốc và các cơ quan phối hợp thực hiện theo quy định.

8. Việc thông qua đơn từ nhiệm của Kiểm soát viên Trần Thị Kim Dung và bầu kiểm soát viên thay thế.

- Thông qua đơn từ nhiệm thành viên Ban kiểm soát của Bà Trần Thị Kim Dung.

- Thông qua việc bổ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát Công ty Công trình Hàng không nhiệm kỳ 2016- 2021 đối với Bà Nguyễn Thị Du.

Nơi nhận:

- Các cổ đông
- Các đơn vị thuộc Cty
- Lưu

CHỦ TỌA ĐẠI HỘI

Nguyễn Viết Thắng

